

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-PT  
Ngày 17 - 02 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Bùi Văn Đàm.**

**Các Thẩm phán:** Bà **Nguyễn Thị Xuân;**

**Ông Nguyễn Mạnh Cường.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thanh Huyền** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Hà Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo **Bùi Văn T**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Bùi Văn T**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1964 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Ngõ D, đường N, tổ I, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số: xxxxxxxxx298 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 12/4/2022; trình độ văn hoá (học vấn): 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn T1** (đã chết) và bà **Bùi Thị N** (đã chết); có vợ là **Dương Thị Quế A** và 01 con sinh năm 1994; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/7/1999, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; ngày 12/9/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Giang xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 28/5/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo bị bắt, tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 27/5/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người làm chứng, tuy nhiên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 10 giờ 00 phút, ngày 27/5/2024, bị cáo Bùi Văn T nhận được điện thoại của Đặng Lê T2 (trú tại xã N, huyện V) hỏi T có thu mua gỗ ngọc am không, T đồng ý và bảo T2 đến nhà T để bàn bạc cụ thể việc mua bán gỗ ngọc am. Đến khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, T nhận được điện thoại của Triệu Đức T3 (trú tại xã M, huyện B) hỏi T có thu mua gỗ ngọc am không, T đồng ý và bảo T3 ra nhà T để bàn bạc cụ thể việc mua bán gỗ ngọc am. Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày, Đặng Lê T2 đến nhà Bùi Văn T tại tổ I, phường Q, thành phố H để bàn bạc việc mua bán gỗ và ăn cơm ở nhà T cùng một người tên K (là người T mới quen). Đến khoảng 12 giờ 30 phút thì Triệu Đức T3 cùng bạn là Hoàng Văn D (trú tại xã M, huyện B) cùng đến nhà T để bàn bạc việc mua bán gỗ ngọc am. Đến 13 giờ 00 phút cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T hỏi T2 cho mượn xe máy, T nói với T2: *“Cho anh mượn xe ra ngoài một tý”*, T2 đồng ý. T lấy xe máy của T2 đi đến khu vực cầu treo phường Q thì dừng xe và liên hệ với một người tên là T4 (ngày 26/5/2024 T gặp T4 ở cổng Công an thành phố H, T4 có làm quen, cho T số điện thoại và nói khi nào cần mua ma túy thì liên lạc cho T4), T đặt vấn đề với T4 mua 700.000 đồng ma túy Heroine, T4 đồng ý. T4 yêu cầu T đem tiền ra để ở đầu cầu S, lấy hòn đá đè lên rồi đi ra chỗ khác đứng đợi. T làm theo hướng dẫn của T4, đi ra đầu cầu S phía bên phường Q, để tiền ở bên cạnh lan can cầu và lấy một viên gạch đè lên rồi đi ra chỗ khác đứng đợi. Một lúc sau, T4 nháy máy điện thoại cho T, T hiểu ý, quay lại chỗ để tiền lật viên gạch lên thấy một gói ma túy được gói bằng túi nilon màu hồng, T cầm mang về nhà để sử dụng. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, T về đến nhà, đi vào gian buồng thứ 2 sau phòng khách, lấy gói ma túy vừa mua được ra để chuẩn bị sử dụng. T lấy chiếc hộp kim loại đựng dụng cụ sử dụng ma túy của T (xilanh, ống thuốc Novocain) ra, dùng một lưỡi dao lam cắt lớp vỏ nilon màu hồng bọc bên ngoài gói ma túy, thấy bên trong có 02 gói nhỏ gói bằng giấy bạc bao thuốc lá. Lúc này, T2, T3 và D cùng đi theo T vào buồng, thấy mọi người đi theo T hỏi: *“Có làm tí không?”* thì cả T2, T3, D đều bảo có và xin T cho sử dụng ma túy cùng. T đồng ý và mở một gói ma túy ra gạt chia một ít ma túy vào tờ giấy bạc cho T3 (do T3 chỉ hít) để T3 đem sang phòng bên sử dụng. Sau đó, T lấy 03 chiếc xilanh loại 3ml và 02 ống thuốc Novocain rồi cho một phần ma túy vừa mua được vào trong xi lanh, hút dung dịch thuốc Novocain vào xilanh để pha với ma túy, lắc cho tan, sau đó chia dung dịch ma túy này vào 03 chiếc xilanh, T sử dụng một cái, 02 xilanh còn lại T đưa cho T2, D mỗi người một cái để sử dụng. Khi cả bốn người T, D, T2, T3 đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang bắt quả tang.

Cùng ngày cơ quan CSĐT Công an tỉnh H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn T, thu giữ 02 gói nghi là ma túy Heroine.

Ngày 29/5/2024 cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang có Quyết định trưng cầu giám định số 399 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định mẫu vật nghi là ma túy ký hiệu A1, A2.

Tại bản kết luận giám định số: 197/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Hai mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A2 đều là chất ma túy loại Heroin (Heroine), có tổng khối lượng là: 0,089gam.

Heroine nằm trong danh mục I, mục IA, số thứ tự 9, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38, 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/5/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2024, bị cáo Bùi Văn T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về phần hình phạt, với nội dung: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo bản thân và sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá cao, bị cáo đã lớn tuổi, bản thân có nhiều bệnh nền (như bệnh phổi, bệnh xương khớp), không đảm bảo cho việc chấp hành án sau này. Ngoài ra, bị cáo khai bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự, tham cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc từ năm 1983 đến năm 1987, quá trình tại ngũ, bị cáo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của đơn vị giao. Vì vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hình sự tại giai đoạn phúc thẩm của người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T là trong hạn luật định.

Về tội danh: Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử bị cáo Bùi Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Bị cáo T chỉ kháng cáo về phần hình phạt, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không giao nộp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã không xem xét đến yếu tố nhân thân của bị cáo là đã đóng góp công sức trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, từ năm 1983 đến năm 1987. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang theo hướng giảm mức hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án từ **08 năm 06 tháng đến 09 năm tù**.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí, căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/11/2024, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án; ngày 26/11/2024, bị cáo Bùi Văn T làm đơn kháng cáo, giao nộp đơn kháng cáo cho Tòa án cấp sơ thẩm. Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong thời hạn kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo đảm bảo các quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo T đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo ổn định, thống nhất trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá cơ bản đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi sử dụng và tổ chức cho những người nghiện khác cùng sử dụng ma túy của bị cáo không những làm ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của bản thân bị cáo, của

những người nghiện ma túy khác, mà còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm xáo trộn an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo đã từng bị xét xử về các tội phạm khác, có tội phạm liên quan đến ma túy, đã từng phải chấp hành án tại cơ sở giam giữ, tuy nhiên bị cáo không tự cảnh tỉnh bản thân, vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 10 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm chưa xem xét đến quá trình hoạt động của bản thân bị cáo. Nhận thấy, bị cáo đã tham gia phục vụ trong quân đội từ năm 1983 đến năm 1987, đóng quân tại C20 E266 F313. Năm 1984 bị cáo đã tham gia chiến đấu trong chiến tranh biên giới phía Bắc, trực tiếp chiến đấu trên chiến trường Pha Hán (thuộc xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang). Đây là trận chiến kéo dài trong nhiều năm và vô cùng khốc liệt để giành giật với địch từng chiến hào, từng cao điểm để giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Xét thấy, bị cáo đã có đóng góp công sức trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đây là được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, như vậy là phù hợp với chính sách tri ân người có công với nước, phù hợp quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang về phần hình phạt.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang về phần hình phạt:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T **09 (chín)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/5/2024.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- CQĐT Công an thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo T;
- Tổ HCTP; Tòa HS; phòng KTNV&THA;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**